

Số: *08* /2018/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày *12* tháng *02* năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác bàn giao các công trình giao thông
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Luật Giao thông Đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 74/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Ban hành quy chế công tác lưu trữ của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác bàn giao các công trình giao thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Quy định này.


Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày *28* tháng *11* năm 2018.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TTTU, TT-HĐND thành phố;
- Các Bộ: GTVT, XD;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Sở Tư pháp;
- Các Chủ đầu tư;
- Các Đơn vị điều hành dự án;
- UBND các quận, huyện;
- Công thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, SGTVT, QLĐTh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Đức Thơ

QUY ĐỊNH**Về công tác bàn giao các công trình
giao thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08 / 2018/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 02 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về công tác bàn giao, tiếp nhận, quản lý đối với các công trình giao thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn Nhà nước hoặc từ nguồn vốn khác được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố giao cho Sở Giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng, UBND các quận, huyện tiếp nhận quản lý, khai thác, vận hành.

2. Đối tượng áp dụng: Các chủ đầu tư, đơn vị điều hành dự án nếu được ủy quyền (sau đây gọi chung là Chủ đầu tư) và các cơ quan, đơn vị liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình giao thông:

a) *Công trình đường bộ* gồm: đường tàu điện ngầm (Metro), đường sắt đô thị, đường sắt trên cao, đường ô tô, đường trong đô thị, đường nông thôn, cầu đường bộ, cầu bộ hành, cầu treo dân sinh, hầm đường ô tô, hầm cho người đi bộ, nơi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, bãi đỗ xe, đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu, rào chắn, đảo giao thông, dải phân cách, cột kilômét, tường chắn bảo vệ nền đường, trạm kiểm tra tải trọng xe và các công trình, thiết bị phụ trợ đường bộ khác.

b) *Công trình đường thủy nội địa* gồm: đường thủy nội địa, hành lang bảo vệ luồng, cảng, bến thủy nội địa; khu beo đậu ngoài cảng; báo hiệu đường thủy nội địa và các công trình phụ trợ khác.

2. *Hồ sơ hoàn thành công trình* (còn được gọi là *hồ sơ hoàn công*) là tập hợp các hồ sơ, tài liệu có liên quan tới quá trình đầu tư xây dựng công trình cần được lưu lại khi đưa công trình vào sử dụng.

Điều 3. Nguyên tắc bàn giao

1. Đảm bảo các điều kiện an toàn giao thông trong vận hành, khai thác khi đưa công trình vào sử dụng.

2. Công tác bàn giao phải đảm bảo theo đúng trình tự pháp luật quy định, nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý, khai thác, vận hành đúng với khả năng thực tế của các công trình giao thông trên địa bàn thành phố.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Thời gian gửi hồ sơ và thành phần, quy cách hồ sơ hoàn thành công trình

1. Thời gian gửi hồ sơ, tài liệu hoàn thành công trình xây dựng về đơn vị quản lý, sử dụng tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi tiến hành bàn giao.

2. Bản vẽ hoàn công được lập theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Thông tư số 26/2016/TT-BXD).

Tất cả các tài liệu được xếp theo trình tự của danh mục hồ sơ hoàn thành công trình tại Phụ lục III Thông tư số 26/2016/TT-BXD. Ngoài ra, còn có hồ sơ các công trình ngầm lắp đặt trên tuyến trong đó phải thể hiện vị trí lắp đặt các công trình ngầm (theo phương ngang và chiều sâu lắp đặt).

3. Nộp hồ sơ hoàn thành công trình kèm file mềm (nội dung trong file mềm gồm thuyết minh hoàn công công trình, hạng mục công trình và các văn bản pháp lý định dạng file.pdf và phần bản vẽ định dạng file.dwg); Nội dung thuyết minh hồ sơ hoàn thành công trình lập theo mẫu tại Phụ lục số 2 của Quy định này. Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình lập theo mẫu tại Phụ lục 3 của Quy định này.

4. Hồ sơ, tài liệu hoàn thành công trình xây dựng được đóng thành tập theo khổ giấy A4 (kể cả các bản vẽ có kích thước khác với khổ giấy A4), cho vào hộp cứng. Trường hợp bản vẽ khổ lớn nhiều có thể đóng thành tập riêng theo khổ giấy A3 (đặc biệt có thể đóng thành tập theo khổ giấy A2 hoặc A1).

5. Trên các bìa file phải dán nhãn, ghi tên tài liệu, kèm theo danh mục chi tiết, đánh số trang tài liệu chứa trong đó.

6. Hồ sơ giao nộp phải đảm bảo tính pháp lý, các chứng chỉ thí nghiệm là bản gốc hoặc bản phô tô có công chứng. Trường hợp đặc biệt như công trình xây dựng đã lâu bị thất lạc bản gốc, được UBND thành phố cho phép bàn giao theo hiện trạng hoặc các công trình duy tu sửa chữa có tính chất đơn giản, nhỏ lẻ, cho phép chủ đầu tư ký xác nhận và đóng dấu.

Điều 5. Về số lượng hồ sơ hoàn thành công trình

1. Đối với các công trình được xây dựng bằng nguồn vốn sự nghiệp kinh tế giao thông, vốn An toàn giao thông hoặc Quỹ bảo trì đường bộ: Hồ sơ, tài liệu hoàn thành công trình xây dựng được lập theo đúng quy định hiện hành và giao nộp 02 bộ (đơn vị chủ quản lý, sử dụng công trình 01 bộ, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng 01 bộ) và kèm theo file mềm theo số lượng hồ giao nộp (nội dung file mềm theo khoản 3 Điều 4 Quy định này) đối với công trình, hạng mục công trình sửa chữa lớn.

2. Đối với các công trình được xây dựng không phải bằng các nguồn vốn nêu tại khoản 1 Điều 5 Quy định này: Hồ sơ, tài liệu hoàn thành công trình xây dựng được lập theo đúng quy định hiện hành và giao nộp 03 bộ (đơn vị chủ quản lý, sử dụng công trình 01 bộ, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng 01 bộ và cơ quan lưu trữ Nhà nước theo phân cấp 01 bộ) và kèm theo file mềm theo số lượng hồ giao nộp (nội dung file mềm theo khoản 3 Điều 4 Quy định này).

Điều 6. Công tác nghiệm thu

1. Các công trình giao thông trên địa bàn thành phố (có quy mô bất kỳ) đều phải thực hiện công tác nghiệm thu theo Điều 27, 30 và 31 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP).

2. Trường hợp chủ đầu tư không phải là chủ quản lý, chủ sử dụng công trình thì khi nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng, chủ đầu tư có thể mời chủ quản lý sử dụng công trình tham gia chứng kiến nghiệm thu.

Điều 7. Công tác bàn giao

1. Các công trình giao thông trên địa bàn thành phố (có quy mô bất kỳ) được bàn giao cho chủ quản lý sử dụng công trình theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP. Ngoài ra, phải bàn giao các mốc tọa độ, mốc cao độ đối với các công trình cầu; công trình cảng, bến thủy nội địa và công trình đòi hỏi phải quan trắc trong quá trình khai thác. Trường hợp chưa bàn giao được công trình cho chủ quản lý, chủ sử dụng thì chủ đầu tư có trách nhiệm tạm thời quản lý, vận hành và bảo trì công trình xây dựng. Chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao hồ sơ bảo trì công trình xây dựng cho chủ quản lý sử dụng công trình trước khi bàn giao công trình, hạng mục công trình đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định tại Khoản 8 Điều 40 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Trường hợp công trình, hạng mục công trình vẫn còn một số tồn tại khiếm khuyết nhỏ do khách quan mà không ảnh hưởng đến an toàn giao thông trong quá trình khai thác thì bên nhận bàn giao có thể xem xét quyết định chấp nhận bàn giao. Các tồn tại, khiếm khuyết được lập thành biên bản riêng và chủ

đầu tư, đơn vị thi công phải cam kết thời gian hoàn thành khắc phục khiếm khuyết.

3. Chủ đầu tư phải tổ chức cho chủ quản lý, chủ sử dụng công trình đi kiểm tra thực tế hiện trường khi tổ chức bàn giao. Hiện trường công trình đã được thi công xong; bổ sung, sửa chữa các hư hỏng thiếu sót (nếu có theo kết quả kiểm tra hiện trường được thực hiện trước khi bàn giao) và phải tổng dọn vệ sinh trước khi bàn giao. Đặc biệt lưu ý kiểm tra các vị trí lắp đặt các công trình ngầm, phải lập thành văn bản; thành phần theo khoản 4 Điều 7 Quy định này.

4. Thành phần tham gia bàn giao: Chủ đầu tư chỉ tiến hành công tác bàn giao công trình hoặc hạng mục công trình sau khi đã tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng. Thành phần bàn giao gồm:

a) Bên giao: Chủ đầu tư (đại diện chủ đầu tư)

b) Bên nhận:

- Đơn vị chủ quản lý, chủ sử dụng công trình, hạng mục công trình hoặc đơn vị được giao trách nhiệm quản lý Nhà nước về đường bộ.

- Đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng công trình, hạng mục công trình.

(Biên bản được lập theo mẫu tại phụ lục số 1 của Quy định này).

5. Trường hợp UBND thành phố có chủ trương cho phép bàn giao công trình, hạng mục công trình giao thông theo hiện trạng thì công trình, hạng mục công trình giao thông phải đảm bảo có đầy đủ hệ thống an toàn giao thông hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép bổ sung hạng mục tổ chức giao thông (nếu chưa có) và sửa chữa các hư hỏng, tồn tại nhằm đảm bảo an toàn giao thông cho người và phương tiện khi lưu thông trước khi các bên tiến hành bàn giao.

Điều 8. Các yêu cầu khi bàn giao

1. Thực hiện đầy đủ các nội dung đã nêu tại Điều 4, 6 và 7 Quy định này.

2. Có đầy đủ hệ thống báo hiệu đường bộ theo đúng nội dung “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ” bao gồm: Biển báo hiệu các loại, vạch kẻ đường, tín hiệu đèn giao thông (nếu có) và các công trình phụ trợ khác nhằm tăng cường đảm bảo an toàn giao thông; ngoài những yêu cầu trên cần phải có:

- Cột Kilômét đối với đường Quốc lộ (QL), đường tỉnh (ĐT), đường huyện (ĐH);

- Mốc lộ giới đối với đường Quốc lộ (QL), đường tỉnh (ĐT), đường huyện (ĐH), đường xã (ĐX);

- Cọc tiêu, tường bảo vệ và hàng rào chắn đối với những đoạn đường nguy hiểm.

3. Hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng phải được chủ đầu tư tổ chức lập đầy đủ trước khi đưa hạng mục công trình hoặc công trình vào khai thác, vận hành theo đúng quy định tại Điều 33 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

4. Đối với các công trình, hạng mục công trình giao thông được áp dụng công nghệ mới để thi công thì phải bàn giao các tài liệu liên quan đến công nghệ và chuyển giao công nghệ thi công chủ đầu tư tổ chức đào tạo chuyển giao công nghệ cho bên nhận quản lý, sử dụng.

5. Chủ đầu tư tổ chức lập một bộ hồ sơ phục vụ quản lý, vận hành và bảo trì công trình theo quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 26/2016/TT-BXD, bàn giao cho chủ quản lý, chủ sử dụng công trình và đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng công trình. Chủ quản lý, chủ sử dụng công trình và đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ này trong suốt quá trình khai thác, sử dụng công trình. Danh mục hồ sơ phục vụ quản lý, vận hành và bảo trì công trình lập theo Phụ lục 4 Quy định này.

Điều 9. Từ chối tiếp nhận công trình

Các công trình giao thông trên địa bàn thành phố đã hoàn thành nếu không thực hiện đúng các nội dung của Quy định này thì các bên liên quan lập thành Biên bản ghi rõ những tồn tại, thiếu sót và cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác, vận hành có quyền phát văn bản từ chối tiếp nhận bàn giao các hạng mục công trình hoặc công trình và chủ đầu tư phải tự chịu trách nhiệm về quản lý, khai thác và bảo trì (nếu cần thiết).

Điều 10. Về bảo hành công trình hoặc hạng mục công trình

1. Sau khi bàn giao hạng mục công trình, công trình giao thông cho chủ quản lý sử dụng, chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm bảo hành công trình theo đúng quy định tại Điều 35 và Điều 36 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Sau thời gian kết thúc bảo hành công trình hoặc hạng mục công trình thì chủ đầu tư phải tiến hành tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện công tác bảo hành công trình hoặc hạng mục công trình và lập thành văn bản với thành phần tham gia gồm chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý sử dụng công trình và nhà thầu thi công xây dựng. Căn cứ kết quả kiểm tra nếu được chấp thuận thì chủ đầu tư làm thủ tục thanh toán phần kinh phí đã được giữ lại trong thời gian bảo hành công trình hoặc hạng mục công trình.

3. Các công trình hoặc hạng mục công trình đã được bàn giao cho đơn vị quản lý sử dụng nếu trong thời gian bảo hành có phát sinh các hư hỏng, khiếm khuyết có thể sửa chữa được (hư hỏng, khiếm khuyết phát sinh do lỗi của nhà thầu) thì đơn vị quản lý sử dụng có văn bản gửi chủ đầu tư để chỉ đạo nhà thầu thi công xây dựng sửa chữa kịp thời. Trường hợp sau 15 ngày làm việc (sau 24 giờ đối với các công trình, hạng mục công trình ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn giao thông như đèn tín hiệu giao thông, camera, biển báo hiệu...) kể từ khi đơn vị trực tiếp quản lý sử dụng có ý kiến bằng văn bản mà đơn vị thi công vẫn chưa

tiến hành sửa chữa thì đơn vị trực tiếp quản lý sử dụng mời chủ đầu tư và Sở Giao thông vận tải kiểm tra, xác nhận khối lượng, phương án sửa chữa và tổ chức thực hiện. Kinh phí sửa chữa được Sở Giao thông vận tải (đối với các công trình, hạng mục công trình do Sở Giao thông vận tải quản lý) hoặc UBND các quận, huyện (đối với các công trình, hạng mục công trình do UBND quận, huyện quản lý) thẩm định và được chủ đầu tư chi trả từ chi phí bảo hành công trình đã được giữ lại trong thời gian bảo hành.

4. Trường hợp phát hiện các hư hỏng nặng, khó khắc phục thì đơn vị trực tiếp quản lý sử dụng báo cáo Sở Giao thông vận tải xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Khen thưởng

Tổ chức, các nhân thực hiện tốt trong việc thực hiện quy định Nhà nước về công tác bàn giao các công trình giao thông trên địa bàn thành phố và Quy định này sẽ được khen thưởng theo quy định chung.

Điều 12. Xử lý vi phạm

Tổ chức cá nhân có hành vi vi phạm về công tác bàn giao các công trình giao thông trên địa bàn thành phố tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các ngành, địa phương, tổ chức và cá nhân phản ánh về Sở Giao thông vận tải để nghiên cứu, tổng hợp, trình UBND thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp ./.



Phụ lục số 1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 01 năm 2018

BIÊN BẢN

**BÀN GIAO HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH HOẶC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
 ĐỂ QUẢN LÝ SỬ DỤNG, VẬN HÀNH VÀ KHAI THÁC**

Công trình:

Hạng mục công trình:

Địa điểm xây dựng:

I. Thành phần tham gia bàn giao công trình hoặc hạng mục công trình:

1. Bên giao:

- Chủ đầu tư (đại diện chủ đầu tư):

2. Bên nhận:

- Đơn vị chủ quản lý, chủ sử dụng công trình hoặc hạng mục công trình¹ hoặc Đơn vị được giao trách nhiệm quản lý Nhà nước về đường bộ²: Sở Giao thông Vận tải.

- Đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng công trình hoặc hạng mục công trình: (đơn vị được giao theo phân cấp của UBND thành phố và cấp có thẩm quyền).

II. Thời gian tiến hành bàn giao:

Bắt đầu: ngày tháng năm

Kết thúc: ngày tháng năm

III. Tiến hành bàn giao:

Các bên đã xem xét các hồ sơ tài liệu đã được nghiệm thu, kiểm tra thực tế hiện trường và thống nhất bàn giao gồm:

- Thuyết minh hồ sơ hoàn thành công trình (theo Phụ lục số 2 Quyết định số /2018/QĐ-UBND ngày của UBND thành phố Đà Nẵng);

- Hồ sơ chuẩn bị đầu tư xây dựng và hợp đồng (theo Phụ lục số 3 Quyết định số /2018/QĐ-UBND ngày của UBND thành phố Đà Nẵng);

- Hồ sơ khảo sát, thiết kế xây dựng công trình (theo Phụ lục số 3 Quyết định số /2018/QĐ-UBND ngày của UBND thành phố Đà Nẵng);

- Hồ sơ quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình (theo Phụ lục số 3 Quyết định số /2018/QĐ-UBND ngày của UBND thành phố Đà Nẵng);

¹ Đối với công trình hoặc hạng mục công trình do Sở Giao thông vận tải Đà Nẵng quản lý

² Đối với công trình hoặc hạng mục công trình do UBND các quận, huyện quản lý hoặc các đơn vị khác theo chỉ định của UBND thành phố.

- Hồ sơ phục vụ quản lý, vận hành và bảo trì công trình (theo Phụ lục số 4 Quyết định số /2018/QĐ-UBND ngày của UBND thành phố Đà Nẵng);

- File mềm (nội dung gồm thuyết minh hoàn công công trình, hạng mục công trình và các văn bản pháp lý định dạng file.pdf và phần bản vẽ định dạng file.dwg);

- Khối lượng bàn giao quản lý, sử dụng:

Số TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	
			Theo thiết kế được phê duyệt	Theo thực tế được bàn giao
1
2

IV. Giá trị hạng mục công trình hoặc công trình bàn giao:

1. Giá trị dự toán công trình, hạng mục công trình được duyệt: cùng thời điểm bàn giao;

2. Giá trị quyết toán được cấp thẩm quyền thẩm tra và phê duyệt: bàn giao sau 10 ngày kể từ ngày có quyết định quyết toán hạng mục công trình hoặc công trình

V. Kiến nghị:

1. Chủ đầu tư (đơn vị điều hành dự án) phải tiến hành tổ chức phúc tra đánh giá kết quả thực hiện công tác bảo hành công trình hoặc hạng mục công trình và lập thành văn bản (thành phần gồm chủ đầu tư hoặc đơn vị điều hành dự án dự án, đơn vị quản lý sử dụng, vận hành, khai thác và đơn vị thi công);

2.....

VI. Kết luận:

1. Chấp nhận (hay không chấp nhận) bàn giao hạng mục công trình hoặc công trình để quản lý sử dụng và khai thác.

2. Yêu cầu và thời hạn phải sửa xong các khiếm khuyết mới chấp nhận hạng mục công trình hoặc công trình được bàn giao quản lý sử dụng và khai thác.

3. Bảo hành hạng mục công trình hoặc công trình theo quy định hiện hành của Nhà nước./.

Đại diện chủ đầu tư

(Ký tên, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

Đại diện đơn vị chủ quản lý, chủ sở hữu hoặc

Đại diện đơn vị được giao trách nhiệm quản lý Nhà nước về đường bộ

(Ký tên, ghi rõ họ và tên, chức vụ và đóng dấu)

Đại diện đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng

Phụ lục số 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 04 năm 2018

THUYẾT MINH HỒ SƠ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH

1. Công trình:

2. Hạng mục công trình:

3. Địa điểm xây dựng:

I. GIỚI THIỆU CHUNG:

Giới thiệu về công trình:

Chủ đầu tư:

Điều hành dự án:

Cơ quan thẩm tra/ thẩm định:

Cơ quan phê duyệt:

Tư vấn khảo sát, thiết kế:

Tư vấn Giám sát (hoặc GSKTA):

Đơn vị thi công:

Chỉ huy trưởng công trường:

Phòng kỹ thuật của nhà thầu thi công xây dựng:

Đội trưởng thi công:

Phụ trách kỹ thuật thi công trực tiếp:

Tổ trưởng thi công:

II. QUI MÔ CÔNG TRÌNH:

.....

III. CÁC CĂN CỨ ĐỂ THI CÔNG:

.....

IV. NHỮNG THAY ĐỔI SO VỚI THIẾT KẾ ĐƯỢC DUYỆT:

.....

V. CHỈ TIÊU KỸ THUẬT ÁP DỤNG TRONG THI CÔNG:

.....

VI. THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU: Liệt kê các thiết bị về số lượng và năng suất của từng thiết bị

.....
.....

VII. VẬT LIỆU XÂY DỰNG:

.....
.....

VIII. BIỆN PHÁP THI CÔNG:

.....
.....

IX. THỜI GIAN THI CÔNG:

Khởi công ngày:

Hoàn thành ngày:

X. AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG:

.....
.....

Người viết thuyết minh
(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU XÂY LẬP
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 3
DANH MỤC HỒ SƠ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH

T T	Tài liệu	Tình trạng	Đánh giá	Ghi chú¹
I	HỒ SƠ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ HỢP ĐỒNG			
1	Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng và Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
2	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
3	Nhiệm vụ thiết kế, các văn bản thẩm định, tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
4	Phương án đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng tái định cư (nếu có)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
5	Tài liệu thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình đối với những công trình bắt buộc thi tuyển thiết kế kiến trúc	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
6	Văn bản của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: thỏa thuận quy hoạch, thỏa thuận hoặc chấp thuận sử dụng hoặc đấu nối với công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào; đánh giá tác động môi trường, đảm bảo an toàn (ATGT, an toàn cho các công trình lân cận) và các văn bản khác có liên quan.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
7	Quyết định cấp đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
8	Giấy phép xây dựng, trừ những trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
9	Quyết định chỉ định thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu và các hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
10	Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của các nhà thầu theo quy định.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	

¹ Ghi chú dùng để giải thích những mục có tình trạng "không có" nhưng được đánh giá "phù hợp".

T T	Tài liệu	Tình trạng	Đánh giá	Ghi chú ¹
11	Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
II	HỒ SƠ KHẢO SÁT, THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH			
1	Nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát, báo cáo khảo sát xây dựng công trình.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
2	Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
3	Kết quả thăm tra, thăm định thiết kế xây dựng; quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình kèm theo: hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt (có danh mục bản vẽ kèm theo); chỉ dẫn kỹ thuật; danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho công trình	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
4	Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
5	Các văn bản, tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến giai đoạn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
III	HỒ SƠ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH			
1	Danh mục các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình và các văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
2	Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo).	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
3	Bản vẽ biện pháp, công nghệ tổ chức thi công đối với các công trình có áp dụng kết cấu, vật liệu hoặc công nghệ mới	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
4	Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
5	Các chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nhãn mác hàng hóa, tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành; chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật chất lượng sản phẩm	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	

T T	Tài liệu	Tình trạng	Đánh giá	Ghi chú ¹
	hàng hóa.			
6	Các kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công và quan trắc trong quá trình vận hành.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
7	Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu bộ phận công trình, nghiệm thu giai đoạn (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
8	Biên bản bàn giao vật tư thu hồi cho đơn vị quản lý	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
9	Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
10	Lý lịch thiết bị lắp đặt trong công trình.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
11	Quy trình vận hành, khai thác công trình; quy trình bảo trì công trình (Đối với công trình cấp II trở lên hoặc công trình có áp dụng kết cấu, vật liệu, công nghệ mới).	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
12	Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về:	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
a	Di dân vùng lòng hồ, khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
b	An toàn phòng cháy, chữa cháy	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
c	An toàn môi trường	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
d	An toàn lao động, an toàn vận hành hệ thống thiết bị công trình, thiết bị công nghệ	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
e	Thực hiện Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	

T T	Tài liệu	Tình trạng	Đánh giá	Ghi chú ¹
f	Cho phép đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác có liên quan như cấp thoát nước, điện chiếu sáng,...	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
g	Các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
13	Nhật ký thi công	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
14	Hồ sơ giải quyết sự cố công trình ² (nếu có).	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
15	Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
16	Biên bản giao mốc tọa độ, mốc cao độ đối với các công trình cầu; công trình cảng, bến thủy nội địa và công trình đòi hỏi phải quan trắc trong quá trình khai thác	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
17	Phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có) sau khi đưa công trình vào sử dụng.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
18	Các hồ sơ/ văn bản/ tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
19	Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(ký tên, đóng dấu)

² Thành phần hồ sơ theo Điều 50 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP

Phụ lục số 4

**DANH MỤC HỒ SƠ PHỤC VỤ
QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH**

STT	Tài liệu	Tình trạng	Đánh giá	Ghi chú ³
1	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc dự án thành phần của cấp có thẩm quyền kèm theo báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
2	Nhiệm vụ khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát xây dựng công trình.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
3	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư xác nhận (có danh mục bản vẽ kèm theo) và các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
4	Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo).	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
5	Các kết quả quan trắc, đo đạc, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu công trình (nếu có) trong quá trình thi công.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
6	Danh mục các thiết bị, phụ tùng, vật tư dự trữ thay thế, vật tư thu hồi và các tài liệu khác có liên quan.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
7	Lý lịch thiết bị lắp đặt trong công trình.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
8	Quy trình vận hành, khai thác công trình; quy trình bảo trì công trình.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
9	Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có).	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	

³ Ghi chú dùng để giải thích những mục có tình trạng "không có" nhưng được đánh giá "phù hợp".

2

STT	Tài liệu	Tình trạng	Đánh giá	Ghi chú ³
10	Đối với công trình cảng thủy nội địa, cần bổ sung các tài liệu sau			
a	Bình đồ vùng nước của cảng	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
b	Bản sao Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi thay cho cầu tàu)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
c	Bản sao văn bản chứng nhận an ninh đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
11	Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng của chủ đầu tư.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	
12	Thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Phù hợp <input type="checkbox"/> Không phù hợp	

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(ký tên, đóng dấu)